

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGHI XUÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 28 - 6 - 2022
V/v tranh chấp hôn nhân gia đình.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHI XUÂN, TỈNH HÀ TĨNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Huy Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trần Văn Hiền
- Ông Trần Minh Đức

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Giang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Huy Linh - Kiểm sát viên.

Vào ngày 28 tháng 6 năm 2022, tại Hội trường xét xử I Tòa án nhân dân huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2020/TLST-HNGĐ, ngày 08 tháng 10 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phan Thị Th – Sinh năm 1982 “Có mặt”

Bị đơn: Anh Đào Nguyên C – Sinh năm 1979 “Có mặt”

Có cùng địa chỉ: Thôn A, xã Cổ Đàm, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai của người xin ly hôn cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phan Thị Th trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị Th và anh Đào Nguyên C đăng ký kết hôn với nhau ngày 29/6/2000 tại Ủy ban nhân dân xã Cổ Đàm, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh trên cơ sở tự do tìm hiểu không ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn trầm trọng do bất đồng quan điểm, năm 2020 vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị Phan Thị Th thấy tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn với anh Đào Nguyên C.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung: Đào Duy Th sinh ngày 25/4/2001 và Đào Phúc Ng sinh ngày 28/7/2018. Cháu Đào Duy Th đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, nguyện vọng của nguyên đơn được nuôi cháu Đào Phúc Ng và yêu cầu anh Đào Nguyên C cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng kể từ tháng 7/2022 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Vợ chồng có công sức đóng góp ngang nhau đối với các tài sản chung, nay yêu cầu Tòa án chia cụ thể như sau:

+ Thửa đất số 108 tờ bản đồ số 19 diện tích 176,8m² và các tài sản là công trình xây dựng gắn liền trên đất, tại thôn 9, xã Cổ Đạm, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, được cấp giấy CNQSD đất số CG 292161 ngày 26/5/2017. Nay ly hôn nguyện vọng của nguyên đơn được lấy thửa đất này và tài sản gắn liền trên đất do hiện đang kinh doanh hàng tạp hóa để nuôi con, sinh sống, chị Phan Thị Th sẽ giao tiền chênh lệch tài sản cho bị đơn.

+ Thửa đất số 649 (917) tờ bản đồ số 2, diện tích 719,1m² và nhà ở, tại thôn 9, xã Cổ Đạm, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, được cấp giấy CNQSD đất số BQ 431944 ngày 12/12/2013 các tài sản gắn liền trên đất không còn giá trị như giếng nước, chuồng bò, một số cây cối, hoa màu trên đất không yêu cầu giải quyết giao cho bị đơn quản lý sử dụng.

Ngoài yêu cầu chia tài sản nêu trên nguyên đơn không có yêu cầu gì khác liên quan đến tài sản và nợ chung.

Bị đơn anh Đào Nguyên C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Đồng ý như trình bày của nguyên đơn. Nay tình cảm vợ chồng không còn, đồng ý ly hôn với chị Phan Thị Th.

Về con chung: Thống nhất với ý kiến của chị Phan Thị Th và đồng ý cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị Th mỗi tháng 2.000.000 đồng kể từ tháng 7/2022 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Vợ chồng có công sức đóng góp ngang nhau đối với các tài sản chung và yêu cầu tòa án chia cụ thể như sau:

+ Chia đôi thửa đất số 108 tờ bản đồ số 19 diện tích 176,8m² và các tài sản là công trình xây dựng gắn liền trên đất, tại thôn 9, xã Cổ Đạm, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, được cấp giấy CNQSD đất số CG 292161 ngày 26/5/2017.

+ Chia đôi thửa đất số 649 (917) tờ bản đồ số 2, diện tích 719,1m² và nhà ở, tại thôn 9, xã Cổ Đạm, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, được cấp giấy CNQSD đất số BQ 431944 ngày 12/12/2013, các tài sản gắn liền trên đất không còn giá trị như giếng nước, chuồng bò và một số cây cối, hoa màu không yêu cầu giải quyết, đất được chia cho ai thì tài sản trên đất do người đó quản lý sử dụng.

Nguyện vọng của bị đơn được chia đôi mỗi thửa đất trên bằng hiện vật cho công bằng.

Ngoài yêu cầu chia tài sản nêu trên bị đơn không có yêu cầu gì khác liên quan đến tài sản và nợ chung.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghi Xuân phát biểu quan điểm: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 2, 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, 57, 58, khoản 2, 3, 4, 5 Điều 59, khoản 2 Điều 62, Điều 64, Điều 70, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117, 118, 119 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a, b khoản 1 Điều 24, điểm a, b khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội:

- Xử cho chị Phan Thị Th ly hôn với anh Đào Nguyên C.

- Về con chung: Giao con chung Đào Phúc Ng cho chị Th trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành và anh Đào Nguyên C cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/ tháng kể từ tháng 7/2022 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Gồm có 02 thửa đất và 02 căn nhà trên đất tổng giá trị là 2.258.811.095 đồng (quy tròn là 2.258.811.000 đồng), chia đôi mỗi người hưởng 1.129.405.500 đồng, cụ thể:

Giao thửa đất số 108, tờ bản đồ số 19 và tài sản trên đất (Có giá trị 1.379.691.000 đ) cho chị Phan Thị Th quản lý sử dụng, giao thửa đất số 649 (917) tờ bản đồ số 02 và tài sản trên đất (có giá trị 879.115.350đ) cho anh Đào Nguyên C quản lý sử dụng.

Chị Th có trách nhiệm giao lại phần giá trị chênh lệch tài sản là 250.285.500 đồng cho anh C.

Ngoài ra còn đề xuất về án phí ly hôn, cấp dưỡng và chia tài sản theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự thì yêu cầu ly hôn của chị Phan Thị Th thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Phan Thị Th và anh Đào Nguyên C kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Hiện nay, vợ chồng sống ly thân không có quan hệ gì, các bên đều có nguyện vọng ly hôn. Xét tình trạng hôn nhân mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của chị Phan Thị Th và ghi nhận thuận tình ly hôn giữa chị Phan Thị Th và anh Đào Nguyên C là phù hợp.

[3] Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung:

Các đương sự thống nhất giao con chung Đào Phúc Ng sinh ngày 28/7/2018 cho chị Phan Thị Th nuôi dưỡng, anh Đào Nguyên C cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng kể từ tháng 7/2022 đến khi con chung đủ 18 tuổi là phù hợp, nên HĐXX cần ghi nhận thỏa thuận theo yêu cầu của đương sự. Con chung Đào Duy Th đã trưởng thành, tự lao động để nuôi sống bản thân, HĐXX miễn xét.

[4] Về tài sản chung:

- Tại buổi hòa giải và phiên tòa, các đương sự đã thống nhất giá trị đất và nhà đối với 02 tài sản chung theo giá trị mà Hội đồng định giá đưa ra là phù hợp, vợ, chồng có công sức đóng góp ngang nhau đối với tài sản chung, hai thửa đất của vợ chồng đều có nhà ở còn có giá trị và có thể làm nơi sinh sống, nên HĐXX dùng làm căn cứ không cần phải chứng minh để giải quyết yêu cầu của các đương sự.

- Đối với thửa đất số 108 tờ bản đồ số 19 diện tích 176,8m² và các tài sản gắn liền trên đất là nhà và công trình xây dựng trên đất, tại thôn 9, xã Cổ Đạm, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, được cấp giấy CNQSD đất số CG 292161,

ngày 26/5/2017, theo Biên bản định giá ngày 24/11/2021 của Hội đồng định giá, giá trị của thửa đất và tài sản gắn liền trên đất là: 1.379.691.731 đồng. Nguyên vọng của nguyên đơn được chia tài sản này và hoàn giá trị chênh lệch tài sản cho bị đơn.

Xét nguyện vọng của nguyên đơn, HĐXX nhận thấy:

Hiện nay, thửa đất, nhà nguyên đơn đang sinh sống cùng các con và kinh doanh tạp hóa, đây là công việc duy nhất đem lại thu nhập cho nguyên đơn từ năm 2017 đến nay để nguyên đơn nuôi sống mình và con chung.

Bị đơn có nguyện vọng chia thửa đất trên bằng hiện vật thành hai phần bằng nhau, tuy nhiên qua thẩm định tại chỗ thửa đất có diện tích thực tế là chiều ngang tám đường 10m, do đất không vuông nên khi đo chiều ngang vuông góc thì chiều dài các cạnh phía Nam và Bắc không đủ chiều dài tối thiểu theo quy định để tách thửa, ảnh hưởng đến quy hoạch chung của vùng nông thôn.

Hiện tại, nhà xây trên đất có chiều rộng 6.06m và 3.76m lợp tôn làm kho để hàng nên việc chia đất theo yêu cầu của bị đơn buộc phá bờ móng và tường giữa nhà gây thiệt hại về kinh tế, gây bất tiện trong sinh hoạt khi vợ chồng đã ly hôn nhưng phải ở chung cùng nhau trên cùng thửa đất.

Ngoài ra, việc chia đất theo yêu cầu của bị đơn gây khó khăn cho cuộc sống, sinh hoạt của nguyên đơn đang nuôi con chung, đặc biệt là khó khăn trong việc việc tạo lập chỗ ở mới của người phụ nữ sau khi phá dỡ tường nhà.

Bị đơn có nghề nghiệp là lái xe đường dài, không thường xuyên ở hay kinh doanh tại địa phương, nên nhu cầu về chỗ ở, nơi kinh doanh của nguyên đơn đối với thửa đất này là cần thiết hơn bị đơn.

Căn cứ nhận định nêu trên, HĐXX cần giao thửa đất và các tài sản gắn liền trên đất là nhà ở và công trình xây dựng trên đất cho nguyên đơn quản lý, sử dụng phù hợp với nguyên tắc giải quyết tài sản của vợ chồng khi ly hôn được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 59 và Điều 64 Luật hôn nhân và gia đình “*Bảo vệ lợi ích chính đáng của mỗi bên trong sản xuất, kinh doanh và nghề nghiệp để các bên có điều kiện tiếp tục lao động tạo ra thu nhập; Vợ, chồng đang thực hiện hoạt động kinh doanh liên quan đến tài sản chung có quyền được nhận tài sản đó và thanh toán cho bên kia phần giá trị tài sản mà họ được hưởng,...*”.

- Đối với thửa đất số 649 (917) tờ bản đồ số 2, diện tích 719,1m² tại thôn 9, xã Cổ Đàm, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, được cấp giấy CNQSD đất số BQ 431944 ngày 12/12/2013 nay là thửa số 79 tờ bản đồ số 19, bản đồ địa chính đo đạc năm 2014 có 01 ngôi nhà gắn liền với đất vẫn còn sử dụng được. Theo Biên bản định giá ngày 24/11/2021 của Hội đồng định giá, giá trị của thửa đất này và tài sản gắn liền trên đất là: 879.119.014 đồng. Nguyên vọng của bị đơn là được chia đôi thửa đất. Xét nguyện vọng của bị đơn, HĐXX nhận thấy:

Thửa đất có diện tích rộng, tuy nhiên hiện trạng sử dụng đất có nhà ở nằm góc phía Bắc của thửa đất. Vì vậy, việc chia đôi đất và tài sản trên đất theo yêu cầu của bị đơn là không phù hợp, gây thiệt hại về kinh tế cũng như ảnh hưởng đến điều kiện sống tối thiểu của các bên sau khi chia.

Ngoài ra thửa đất này có nguồn gốc mua và tách ra từ đất của bố, mẹ bị đơn, hiện mẹ và anh, em bị đơn sinh sống bên cạnh, vì vậy HĐXX giao cho bị

đơn quản lý, sử dụng, thực hiện các quyền của chủ sở hữu tài sản đối với thửa đất và tài sản gắn liền trên đất là phù hợp.

Do nguyên đơn được chia tài sản có giá trị cao hơn bị đơn nên nguyên đơn phải có trách nhiệm giao lại số tiền chênh lệch tài sản $\frac{1}{2}$ giá trị cho bị đơn là 250.286.358 đồng.

Theo bị đơn, cách chia tài sản của bị đơn nhằm mục đích công bằng, tuy nhiên HĐXX nhận thấy về đối tượng và giá trị tài sản tranh chấp các đương sự đều thống nhất theo giá trị định giá, vì vậy ai nhận phần tài sản có giá trị cao hơn phải có nghĩa vụ thanh toán cho bên kia giá trị chênh lệch là phù hợp. Mặt khác, trong hai thửa đất tranh chấp đều có nhà ở ổn định, nên căn cứ vào giá trị, nhu cầu sử dụng hay hiện trạng sử dụng tài sản đều công bằng và phù hợp khi chia cho các đương sự mỗi người mỗi thửa đất như nhận định đã nêu.

Các thửa đất nêu trên đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tuy nhiên diện tích thực tế sử dụng không phù hợp với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cụ thể: Thửa đất số 649 (917) tờ bản đồ số 2, nay là thửa số 79 tờ bản đồ số 19, bản đồ địa chính đo đạc năm 2014, diện tích 719,1m², kết quả thẩm định diện tích thực tế 746 m², như vậy có diện tích 26,9 m² chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Thửa đất số 108, tờ bản đồ số 19, diện tích 176,8m², kết quả thẩm định có diện tích 171,1 m², thiếu 5,7m².

Các thửa đất nêu trên không có tranh chấp với thửa đất liền kề, các bên đương sự không có yêu cầu giải quyết đối với diện tích đất thừa, thiếu so với các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp. Vì vậy, HĐXX chỉ giải quyết trong giới hạn yêu cầu của các đương sự, chia diện tích đất thực tế sử dụng đối với thửa đất có diện tích thực tế ít hơn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chia diện tích theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất có diện tích thừa. Việc thừa và thiếu đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất các đương sự được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để giải quyết theo quy định.

Ngoài các tài sản trên, thửa số 79, tờ bản đồ số 19, bản đồ địa chính đo đạc năm 2014 còn có một số tài sản như chuồng bò, giếng nước, cây cối, hoa màu trên đất không có giá trị các đương sự thống nhất không yêu cầu giải quyết, đề nghị giao lại tài sản trên đất cho người được chia đất sử dụng nên cần chấp nhận.

Các tài sản khác và nợ chung, các đương sự không yêu cầu, HĐXX miễn xét.

[5]. Về án phí và chi phí thẩm định tài sản: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn không có giá ngạch là 300.000 đồng, bị đơn phải chịu án phí cấp dưỡng định kỳ là 300.000 đồng. Án phí chia tài sản và chi phí thẩm định, định giá các đương sự chịu chung theo tỷ lệ ngang nhau $\frac{1}{2}$.

Trong đó, án phí chia tài sản: Tổng tài sản yêu cầu chia là 2.258.811.000 đồng nên án phí được tính 72.000.000 đồng + [2% x 258.811.000 đồng = 5.176.000 đồng] = 77.176.000 đồng, các đương sự phải chịu án phí chia tài sản chung mỗi người là 38.588.000 đồng.

Chi phí thẩm định tại chỗ để chia tài sản là 5.373.600 đồng và chi phí định giá tài sản 12.600.000 đồng, tổng số tiền 17.973.600 đồng các đương sự phải chịu mỗi người $\frac{1}{2}$ nghĩa vụ là số tiền 8.986.800 đồng, do nguyên đơn đã nộp tạm ứng nên bị đơn có trách nhiệm giao lại cho nguyên đơn số tiền 8.986.800 đồng.

[6]. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 48, khoản 2, 4 Điều 147, khoản 2 Điều 157, khoản 1 Điều 158, khoản 2 Điều 165, khoản 1 Điều 166, Điều 271, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ các Điều 33, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, 57, 58, Điều 59, khoản 2 Điều 62, Điều 64, 70, 81, 82, 83, 84, Điều 107, 110, 116, 117, 118, 119 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 3, khoản 1 Điều 6, điểm a, b khoản 1 Điều 24, điểm a, b khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, Nghị quyết Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận thuận tình ly hôn giữa chị Phan Thị Th và anh Đào Nguyên C.

[2]. Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận, giao con chung Đào Phúc Ng, sinh ngày 28/7/2018 cho chị Phan Thị Th nuôi dưỡng, anh Đào Nguyên C cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị Phan Thị Th mỗi tháng 2.000.000 đồng (*Hai triệu*) kể từ tháng 7/2022 đến khi con chung đủ 18 (*Mười tám*) tuổi và có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được phép cản trở.

[3]. Về tài sản: Chia cho chị Phan Thị Th được quản lý, sử dụng và thực hiện các quyền của chủ sở hữu đối với thửa đất số 108, tờ bản đồ số 19, diện tích 176,8m² theo giấy CNQSD đất số CG 292161, có diện tích thực tế theo kết quả thẩm định là 171.1 m² tại thôn 9, xã Cổ Đàm, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, được UBND huyện Nghi Xuân cấp giấy CNQSD đất số CG 292161, ngày 26/5/2017 và các tài sản là nhà ở và công trình xây dựng gắn liền trên đất.

Chia cho anh Đào Nguyên C được quản lý, sử dụng và thực hiện các quyền của chủ sở hữu đối với thửa đất số 649 (917) tờ bản đồ số 2, diện tích 719,1m² theo giấy CNQSD đất số BQ 431944, có diện tích thực tế theo kết quả thẩm định là 746 m² tại thôn 9, xã Cổ Đàm, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, được cấp giấy CNQSD đất số BQ 431944 ngày 12/12/2013 nay là thửa số 79 tờ bản đồ số 19, bản đồ địa chính đo đạc năm 2014 và tài sản gắn liền trên đất là 01 ngôi nhà cấp 4, 01 giếng nước, 01 chuồng bò, cây cối trên đất.

Chị Phan Thị Th có trách nhiệm giao số tiền 250.286.358 đồng (*Hai trăm năm mươi triệu, hai trăm tám sáu nghìn, ba trăm năm tám*) giá trị tài sản chênh lệch cho anh Đào Nguyên C.

[4]. Về án phí: Chị Phan Thị Th phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn*) án phí ly hôn sơ thẩm được khấu trừ 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn*) án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0000212 ngày 08/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nghi Xuân, nay phải nộp tiếp 38.588.000 đồng (*Ba mươi tám triệu, năm trăm tám tám nghìn*) án phí chia tài sản.

Anh Đào Nguyên C phải chịu 38.588.000 đồng (*Ba mươi tám triệu, năm trăm tám tám nghìn*) án phí chia tài sản và 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn*) án phí cấp dưỡng định kỳ.

Chi phí thẩm định, định giá: Chị Phan Thị Th và anh Đào Nguyên C mỗi người phải chịu số tiền 8.986.800 đồng (*Tám triệu, chín trăm tám sáu nghìn tám trăm*), tiền chi phí thẩm định, định giá chị Phan Thị Th đã nộp đủ. Do chị Phan Thị Th đã nộp tạm ứng số tiền 17.973.600 đồng, nên anh Đào Nguyên C có trách nhiệm giao lại cho chị Phan Thị Th số tiền 8.986.800 đồng (*Tám triệu, chín trăm tám sáu nghìn tám trăm*).

[5]. Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

[6]. Khi Bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày chị Phan Thị Th hoặc anh Đào Nguyên C có đơn yêu cầu thi hành án mà anh Đào Nguyên C hoặc chị Phan Thị Th không chịu đóng tiền như trên hoặc đóng không đầy đủ thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND huyện Nghi Xuân;
- THADS huyện Nghi Xuân;
- Đương sự;
- UBND xã Cổ Đạm, NX,HT
(GCNKH số 08 ngày 29/6/2000);
- Lưu HSVA;

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký, đóng dấu)

Phạm Huy Bình

